

IRREGULAR VERBS IN ENGLISH BẢNG (3)
ĐỘNG TỪ BẤT QUY TẮC TRONG TIẾNG ANH

Infinitive forms	Past simple	Past participle	Meanings
overrun	overran		tràn ngập
oversee	oversaw		trông nom
overshoot	overshot		đi quá đích
oversleep	overslept		ngủ quên
overtake	overtook		đuổi bắt kịp
overthrow	overthrew		lật đổ
pay	paid		trả (tiền)
prove	proved		chứng minh(tô)
put	put		đặt, để
read	read		đọc
rebuild	rebuilt		xây dựng lại
redo	redid		làm lại

remake	remade		<i>làm lại, chế tạo lại</i>
rend	rent		<i>toạc ra, xé</i>
repay	repaid		<i>hoàn tiền lại</i>
resell	resold		<i>bán lại</i>
retake	retook		<i>chiếm lại, tái chiếm</i>
rewrite	rewrote		<i>viết lại</i>
rid	rid		<i>giải thoát</i>
ride	rode		<i>cưỡi</i>
ring	rang		<i>rung chuông</i>
rise	rose		<i>đứng dậy, mọc</i>
run	ran		<i>chạy</i>
saw	sawed		<i>cưa</i>
say	said		<i>nói</i>
see	saw		<i>nhìn thấy</i>
seek	sought		<i>tìm kiếm</i>

sell	sold		<i>bán</i>
send	sent		<i>gửi</i>
sew	sewed		<i>may</i>
shake	shook		<i>lay, lắc</i>
shear	sheared		<i>xén lông cừu</i>
shed	shed		<i>rơi, rụng</i>
shine	shone		<i>chiếu sáng</i>
shoot	shot		<i>bắn</i>
show	showed		<i>cho xem</i>
shrink	shrank		<i>co rút</i>
shut	shut		<i>đóng lại</i>
sing	sang		<i>ca hát</i>
sink	sank		<i>chìm, lặn</i>
sit	sat		<i>ngồi</i>
slay	slew		<i>sát hại, giết hại</i>

sleep	slept		<i>ngủ</i>
slide	slid		<i>trượt, lướt</i>
sling	slung		<i>ném mạnh</i>
slink	slunk		<i>lén đi</i>
smell	smelt		<i>ngửi</i>
smite	smote		<i>đập mạnh</i>
sow	sowed		<i>gieo, rải</i>
speak	spoke		<i>nói</i>
speed	sped/ speeded		<i>chạy vọt</i>
spell	spelt/ spelled		<i>đánh vần</i>
spend	spent		<i>tiêu sài</i>
spill	spilt/ spilled		<i>tràn đổ ra</i>
spin	spun/ span		<i>quay sợi</i>
spit	spat		<i>khạc nhổ</i>
spoil	spoilt/ spoiled		<i>làm hỏng</i>

spread	spread		<i>lan truyền</i>
spring	sprang		<i>nhảy</i>
stand	stood		<i>đứng</i>
stave	stove/ staved		<i>đâm thủng</i>
steal	stole		<i>đánh cắp</i>
stick	stuck		<i>ghim vào, dính</i>
sting	stung		<i>châm, chích, đốt</i>
stink	stunk/ stank		<i>bốc mùi hôi</i>
strew	strewed		<i>rắc, rải</i>
stride	strode		<i>bước dài</i>
strike	struck		<i>đánh đập</i>
string	strung		<i>gắn dây vào</i>
strive	strove		<i>cố sức</i>
swear	swore		<i>tuyên thệ</i>
sweep	swept		<i>quét</i>